

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 13/2018/HC-GĐT

Ngày 30 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

*- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội  
gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cường;

*Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm:* Ông Trần Văn Tuấn;

Bà Bùi Thị Minh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Vinh- Thẩm tra viên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên  
tòa:* Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử  
giám đốc thẩm vụ án hành chính giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:* Bà Hoàng Thị H; Địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã S, thành  
phố Hà Nội;

*Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lê Thị Huệ; Địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bà Hoàng Thị H nguyên là cán bộ của Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức  
năng ngành xây dựng (Viện điều dưỡng A) được phân nhà ở tập thể từ năm 1976.

Năm 1999, Tổng công ty xây dựng S có Quyết định số 12/TCT-HĐQT về  
việc cho phép Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng ngành xây dựng  
thanh lý 57 gian nhà cho các cán bộ. Theo đó, hộ bà H được thanh lý 03 gian  
nhà diện tích 65,25m<sup>2</sup>, bà đã nộp tiền thanh lý và chưa được cấp giấy chứng  
nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 18/11/2011, Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 2007/QĐ-UBND thu hồi 1969,7m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 240m<sup>2</sup> đất ở và 1729,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) của bà Hoàng Thị H thuộc thửa đất số 17 theo tờ Bản Trích đo địa chính số 14 tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần Địa chính nhà đất PT lập năm 2010 để thực hiện dự án di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng môi trường khu xử lý rác thải S, thành phố Hà Nội.

Ngày 18/11/2011, Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND thu hồi 1966,9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của hộ bà Hoàng Thị H thuộc thửa đất số 73, 27, 10, 49, 39, 55, 22 theo tờ Bản Trích đo địa chính số 10, 14, 19, 23 tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần Địa chính nhà đất PT lập năm 2010 để thực hiện dự án di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng môi trường khu xử lý rác thải S, thành phố Hà Nội.

Ngày 23/11/2011, Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 2044/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân. Theo đó, hộ bà H được bồi thường, hỗ trợ 826.214.836 đồng; trong đó được bồi thường, hỗ trợ về đất cụ thể như sau:

- 240m<sup>2</sup> đất ở vị trí 2 đường 414: Bồi thường theo giá đất ở và khấu trừ 50% nghĩa vụ tài chính:  $(240\text{m}^2 \times 1.241.000 \text{ đồng/m}^2) \times 50\% = 148.920.000 \text{ đồng}$ ;
- 1729,7m<sup>2</sup> đất vượt hạn mức giao đất ở mới trong khuôn viên thửa đất của hộ gia đình: Hỗ trợ công tôn tạo theo đơn giá 50.000 đồng/m<sup>2</sup>:  $1729,7\text{m}^2 \times 50.000 \text{ đồng/m}^2 = 86.485.000 \text{ đồng}$ ;
- 1966,9 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trồng cây hàng năm sử dụng ổn định trước 15/10/1993: Bồi thường theo giá đất nông nghiệp:  $1966,9\text{m}^2 \times 105.000 \text{ đồng/m}^2 = 206.524.500 \text{ đồng}$ .

Không nhất trí với các quyết định trên, ngày 15/11/2012, bà H có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S.

Ngày 25/4/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 543/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà H.

Ngày 20/5/2013 và ngày 04/7/2013, bà H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã S, yêu cầu hủy Quyết định số 2007/QĐ-UBND và Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2011, Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 30/12/2013, Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định:

*"1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị H ngày 04/7/2013 về việc yêu*

*cầu hủy: “Quyết định thu hồi đất và yêu cầu bồi thường khi bị thu hồi đất”;*

1. *Hủy Quyết định thu hồi đất số: 2007/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội;*

2. *Hủy Quyết định thu hồi đất số: 2008/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội;*

3. *Hủy một phần Quyết định số 2044/2011/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 5), liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của hộ bà Hoàng Thị H.*

*Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ gia đình bà Hoàng Thị H theo quy định.”*

Ngày 15/01/2014, Ủy ban nhân dân thị xã S có đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm trên.

Tại Bản án số 72/2014/HCPT ngày 26/6/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã S, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã S, xử:

*“Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H về việc hủy một phần quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 5) kèm theo phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất số 11 đối với bà Hoàng Thị H.*

*Bác yêu cầu của bà H về việc đề nghị hủy Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 về việc thu hồi 1969,7m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm và Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 về việc thu hồi 1966,9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của Ủy ban nhân dân thị xã S đối với hộ bà Hoàng Thị H tại thôn A, xã X, thị xã S, Hà Nội.”*

Ngày 24/10/2014, Ủy ban nhân dân thị xã S có công văn đề nghị kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm trên.

Ngày 12/9/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị số 09/2018/KN-HC, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng: hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 72/2014/HCPT ngày 26/6/2014 của Tòa án nhân dân thành

phố Hà Nội và Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã S; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về tố tụng:**

Quyết định số 2007/QĐ-UBND và Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2011, Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 28 Luật tố tụng hành chính năm 2010.

Ngày 29/10/2012, bà Hoàng Thị H nhận được các quyết định trên. Đến ngày 20/5/2013, bà H có đơn khởi kiện là đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010. Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010.

### **[2]. Về nội dung:**

#### **[2.1.] Về xác định nguồn gốc, vị trí, ranh giới các thửa đất bị thu hồi:**

Tại Điều 1 Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 13/3/1973 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây quyết định: “Viện Điều dưỡng A thuộc Bộ Y tế được phép sử dụng 30.000m<sup>2</sup> đất không canh tác (đồi Xuân Khanh) thuộc xã X, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây xây dựng cơ sở Viện điều dưỡng theo sơ đồ vị trí kèm theo”.

Tại Quyết định số 48 QĐ/XDCB ngày 06/8/1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình về việc cấp đất hợp thức bán cho Viện Điều Dưỡng A; trong đó Điều 1 quyết định: “Đồng ý để Bộ Y tế được sử dụng 8,5ha và nhà cửa cơ sở là Viện Điều dưỡng lao... Khu đất 3ha đất tỉnh Hà Tây cũ cấp tại Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 13/3/1973 cho Viện Điều dưỡng A, chỗ nào chưa xây dựng đến, Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì cho thu hồi lại để sử dụng vào việc khác.”

Tờ bản đồ năm 1985 xã X thể hiện đất của Viện điều dưỡng A tại thửa 1050 có diện tích là 115.400m<sup>2</sup>, khu tập thể Viện điều dưỡng tại thửa 357 có diện tích là 16.210m<sup>2</sup>.

Ngày 22/10/1997, Trung tâm khám chữa bệnh - Bệnh viện Bạch Mai có Văn bản số 10/CV về việc trả lại đất mà Viện điều dưỡng A mượn của địa

phương (ngoài khuôn viên công sở 8,5ha được Nhà nước cấp). Tuy nhiên, không có quyết định thu hồi đất đối với Trung tâm khám chữa bệnh, cũng như không có quyết định giao đất đối với đơn vị khác của cấp có thẩm quyền.

Đến năm 1999, Tổng công ty Xây dựng S (thuộc Bộ xây dựng) có Quyết định số 12/TCT-HĐQT về việc cho phép Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng ngành xây dựng thanh lý 57 gian nhà cho các cán bộ, trong đó có bà Hoàng Thị H.

Thực hiện Dự án di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng môi trường khu xử lý chất thải X, căn cứ Bản đồ thu hồi đất Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội đã bàn giao mốc giới thực địa ngày 19/10/2010 cho thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã S đã ban hành các quyết định thu hồi đất với từng hộ gia đình, trong đó có hộ bà Hoàng Thị H. Tuy nhiên từ bản đồ số 14 năm 2010 xã X không thể hiện phần đất của Viện điều dưỡng A nằm ở vị trí nào, diện tích cụ thể là bao nhiêu.

Từ các tài liệu trên, có cơ sở xác định: Diện tích đất bị thu hồi của hộ bà Hoàng Thị H có 1 phần là gia đình bà mua thanh lý nhà tập thể của Viện Điều dưỡng năm 1999, tại thời điểm thu hồi đất năm 2010 Ủy ban nhân dân thị xã S chưa xác định trong toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của của hộ bà H thì phần nào nằm trong và phần nào nằm ngoài khuôn viên Viện điều dưỡng A.

## **[2.2.] Về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị H:**

### **[2.2.1.] Về bồi thường, hỗ trợ về đất:**

Tại Bản án phúc thẩm số 72/2014/HCPT ngày 26/6/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

*“Diện tích 3.936m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 14 và các thửa số 73, 27, 10, 49, 39, 55, 22 tờ bản đồ số 10, 14, 19, đối chiếu với quy định tại khoản 5 Điều 7, Điều 17 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì diện tích đất nêu trên của bà H có đủ điều kiện để được bồi thường về đất.*

*Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 17 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Điều 2 Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 30/3/2009 và Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì gia đình bà H thuộc trường hợp được công nhận hạn mức đất ở là 400m<sup>2</sup> mới phù hợp.*

*Thực tế, gia đình bà H đã sử dụng nhà từ năm 1976 và khai hoang sử dụng*

*thêm diện tích đất từ năm 1980. Đến năm 1999 thì ngôi nhà trên thuộc quyền sở hữu của bà H (bà H được mua thanh lý). Toàn bộ 3936,6m<sup>2</sup> đất gia đình bà H trực tiếp sử dụng được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận sử dụng ổn định từ trước 15/10/1993 không có tranh chấp. Như vậy, gia đình bà H phải được bồi thường và hỗ trợ về đất theo quy định tại Điều 13, Điều 17 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội mới phù hợp. Ủy ban nhân dân thị xã S áp dụng Điều 23 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 nêu trên đối với bà H là không phù hợp, bởi lẽ cho đến nay quyết định thanh lý nhà của bà H không bị mất hiệu lực vì không bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, do đó căn nhà vẫn thuộc quyền sở hữu của bà H”.*

Xét thấy:

***Đối với 1969,7m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 240m<sup>2</sup> đất ở và 1729,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 14:***

Mặc dù hộ bà Hoàng Thị H sử dụng đất ổn định từ trước 15/10/1993, nhưng nguồn gốc phần nhà ở là nhà thuộc sở hữu Nhà nước, đến năm 1999 mới được thanh lý không theo quy định của Nghị định số 61/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở; phần còn lại gia đình bà tự ý sử dụng thêm, chưa xác định trong toàn bộ diện tích đất bị thu hồi thì phần nào nằm trong và phần nào nằm ngoài khuôn viên Viện điều dưỡng A.

Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/09/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với trường hợp sử dụng nhà có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước nhưng đã được thanh lý, hóa giá, mua nhà ở gắn liền với đất như sau:

“Điều 23.

*...2. Chủ sử dụng đất ở do tổ chức, cơ quan được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất, tự chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở và đã phân phối đất ở đó cho cán bộ, công nhân viên của tổ chức, cơ quan từ ngày 15/10/1993 đến trước 1/7/2004, có khuôn viên đất sử dụng riêng, nếu được cơ quan chủ quản và UBND cấp xã xác nhận toàn bộ khuôn viên đất sử dụng ở ổn định trước ngày 01/7/2004 là không có tranh chấp, không vi phạm các quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 5 Điều 7 của bản quy định này thì được bồi thường, hỗ trợ về đất như sau:*

*a) Được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích đất trong **hạn mức giao đất ở** mới theo quy định hiện hành (hạn mức tính trên toàn bộ diện tích đất đang thực tế sử dụng ở một chủ sử dụng đất) nhưng không vượt diện tích đất ở*

*thực tế bị thu hồi và phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính bằng 50% giá đất ở.*

*b) Phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở mới trong khuôn viên thửa đất của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi (nếu có) chỉ được hỗ trợ công tôn tại bằng 50.000 đồng/m<sup>2</sup>.”.*

Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định *hạn mức giao đất ở mới* đối với các xã trung du tối đa là 240m<sup>2</sup>, *hạn mức công nhận đất ở* đối với các xã trung du là 400m<sup>2</sup>.

Theo các quy định trên thì phần đất nằm trong khuôn viên Viện điều dưỡng của hộ bà H được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích đất trong *hạn mức giao đất ở* là 240m<sup>2</sup> và phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính; phần còn lại hỗ trợ công tôn tạo 50.000đ/m<sup>2</sup>. Đối với phần đất trồng cây lâu năm nằm ngoài khuôn viên Viện điều dưỡng, đây là đất sử dụng ổn định từ trước 15/10/1993 không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không thuộc trường hợp sử dụng nhà có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước, nên căn cứ vào Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ thì được bồi thường theo giá đất nông nghiệp; và hỗ trợ từ 20% đến 50% giá đất ở trung bình tại khu vực nếu là đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn hoặc tiếp giáp với ranh giới khu dân cư (diện tích được hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở) theo khoản 2 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Hộ bà H đề nghị được bồi thường 400m<sup>2</sup> đất ở theo hạn mức công nhận đất ở và không phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính, phần còn lại được bồi thường theo đất vườn liền kề đất ở, là không có căn cứ.

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân thị xã S áp dụng khoản 2 Điều 23 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/09/2009 của UBND thành phố Hà Nội, bồi thường 240m<sup>2</sup> đất ở (khấu trừ 50% nghĩa vụ tài chính) là đúng. Tuy nhiên, hỗ trợ phần còn lại theo đơn giá 50.000đ/m<sup>2</sup> mà không phân định giữa diện tích nằm trong và ngoài khuôn Viên Viện điều dưỡng, là không chính xác và ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình bà H.

***Đối với 1966,9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thuộc thửa số 73, 27, 10, 49, 39, 55, 22, tờ bản đồ số 10, 14, 19, 23:***

Diện tích 1966,9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của hộ bà H không nằm trong cùng thửa đất có nhà ở nên được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp, là phù hợp. Bà H yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ theo đất vườn liền kề đất ở là không có căn cứ.

#### **[2.2.2.] Về tái định cư:**

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thì hộ bà H bị thu hồi đất ở có đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư. Ủy ban nhân dân thị xã S cho rằng hộ bà H chưa thống nhất và đang khiếu nại, khởi kiện đối với các phương án bồi thường, hỗ trợ nên chưa xem xét tái định cư, là không đúng pháp luật.

*Như vậy*, Quyết định thu hồi đất số 2007/QĐ-UBND và Quyết định thu hồi đất số 2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S dựa trên căn cứ hạn mức giao đất ở để thu hồi 240m<sup>2</sup> đất ở là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2007/QĐ-UBND và Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S, là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm quyết định bác yêu cầu của bà H về việc đề nghị hủy Quyết định số 2007/QĐ-UBND và Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S là đúng pháp luật (thu hồi 240m<sup>2</sup> đất ở), tuy nhiên lại nhận định Ủy ban nhân dân thị xã S phải bồi thường cho hộ bà H 400m<sup>2</sup> đất ở là mâu thuẫn với phần quyết định của bản án.

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 2044/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S đúng về phần bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất nằm trong khuôn viên Viện điều dưỡng và đất nông nghiệp sử dụng trước năm 1993; nhưng chưa đúng về phần bồi thường, hỗ trợ đối với đất nằm ngoài khuôn viên Viện điều dưỡng và hỗ trợ tái định cư. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H về việc hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 2044/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã S là đúng, nhưng nhận định Ủy ban nhân dân thị xã S phải bồi thường cho các hộ 400m<sup>2</sup> đất ở theo hạn mức công nhận đất ở, không khấu trừ nghĩa vụ tài chính và bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất vượt hạn mức là đất vườn liền kề đất ở, là không chính xác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 266, khoản 3 Điều 272, Điều 274 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

[1]. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 72/2014/HCPT ngày 26/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã S;

[2]. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại



theo đúng quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND thị xã S, Hà Nội;
- Chi cục THADS thị xã S, Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, VT (2 bản).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Nguyễn Văn Cường**